

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(CẤP XÃ - 07 THỦ TỤC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	02
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	14
3	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	27
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	43
5	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	53
6	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	69
7	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	78

1. Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

a. Trình tự thực hiện

- Bước 1 nộp hồ sơ:

Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong **01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành ngay Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Không quá ba (03) ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b. Cách thức thực hiện

- Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân;

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản

- Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 11,5 ngày làm việc).

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

- Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số

11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

-. *Cơ quan phối hợp*: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu 06 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không quy định.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05ha.

- Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

.....

(Tên cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

Số:...../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc ..;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:
- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).
- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).
- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.
3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.
5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).
6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

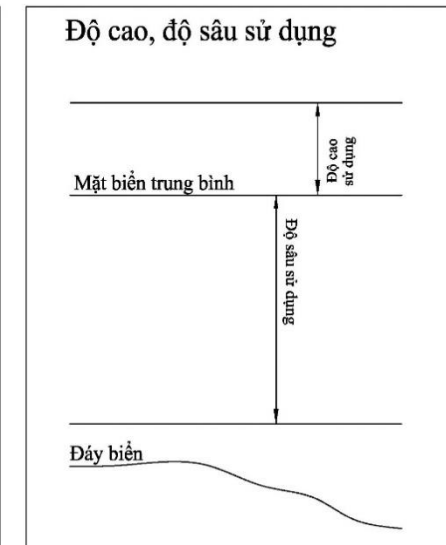
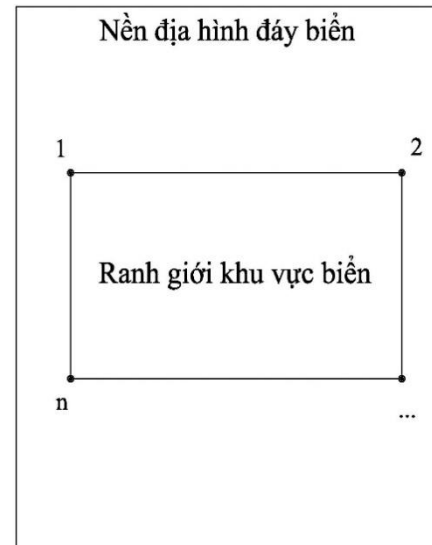
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		



Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.

- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:



Khu vực biển sử dụng



Đường mấp nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).

- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...

- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

~~Đường~~ 3 hải lý (nếu có)

~~Đường~~ 6 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ*(Ký và ghi rõ họ tên)***NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

a. Trình tự thực hiện

- Bước 1 nộp hồ sơ:

Cá nhân Việt Nam đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện

- Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP);

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 09 ngày làm việc).

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gia hạn; trường hợp không gia hạn thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không quy định.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Hạn mức gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

- Cá nhân Việt Nam đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển.

- Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn.

- Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên Cá nhân Việt Nam.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do .cấp ..

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Ủy ban nhân dân cấp xã...

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao khu vực biển****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc ..;**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;**Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ ...
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12

TÊN CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần...
(nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm
(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công
dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu
là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc
Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

**II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm
... đến ngày... tháng ... năm ...**

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....
- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....
- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....
.....
.....

CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

3. Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

a. Trình tự thực hiện

- Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 15 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b. Cách thức thực hiện

- Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Với hồ sơ trả lại toàn bộ khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

Với hồ sơ trả lại một phần khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 16,5 ngày làm việc).

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trả lại khu vực biển; trường hợp không cho phép trả lại khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định trả lại khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) theo Mẫu số 07 ban của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP hoặc Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại theo Mẫu số 06 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không quy định.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ)
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Cá nhân Việt Nam được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng.

- Cá nhân Việt Nam trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao theo quy định của pháp luật.

- Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên Cá nhân Việt Nam

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng... năm... do.... cấp ..

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... tỉnh....

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tíchtrong tổng số diện tích.....ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... tỉnh....

Lý do đề nghị trả lại

(Cá nhân Việt Nam) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (Tên cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm

ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và

môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NNMT..;
- Tên cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại khu vực biển****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên cá nhân)

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên Cá nhân Việt Nam) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân cấp xã. Địa chỉ:

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên Cá nhân Việt Nam) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và tổ chức, cá nhân... có liên quan có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12

TÊN CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

a. Trình tự thực hiện

- Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 20 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b. Cách thức thực hiện

- Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;
- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử);
- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 09 ngày làm việc).

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số

11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không quy định.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

+ Thay đổi thông tin của Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

+ Thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu Cá nhân Việt Nam đã chết mà có người thừa kế;

+ Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

- Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.

- Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của Quyết định giao khu vực biển trước đó.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp xã... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., tỉnh....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:..../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:
- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).
- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).
- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:.....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.
3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.
5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ...
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP
NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ*(Ký và ghi rõ họ tên)***NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

5. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

a. Trình tự thực hiện

- Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu công nhận khu vực biển nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b. Cách thức thực hiện

- Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP));

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 06 ngày làm việc).

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận khu vực biển; trường hợp không công nhận khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 01 ngày làm việc).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không quy định.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

- Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:..../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân) ... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:
- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).
- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).
- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:.....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.
3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.
5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

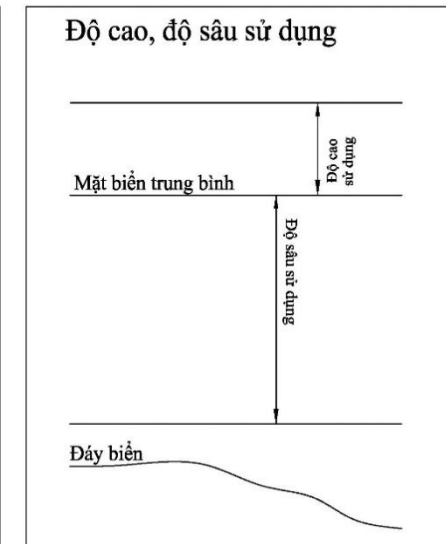
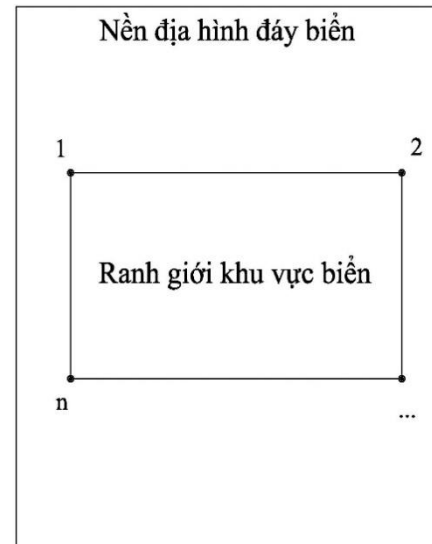
Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:



Khu vực biển sử dụng



Đường mức nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).

- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...

- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

~~Đường~~ 3 hải lý (nếu có)

~~Đường~~ 6 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ ...
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ*(Ký và ghi rõ họ tên)***NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ***(Ký và ghi rõ họ tên)**(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12**TÊN CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiếu...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

6. Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)

a) Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ Tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện thỏa thuận, ký Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với Bên cung cấp, nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét xác nhận hợp đồng.

b) Bước 2: Kiểm tra xem xét xác nhận Hợp đồng Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn gen ngoài tự nhiên hoặc nơi đăng ký trụ sở của Bên cung cấp có trách nhiệm xác nhận Hợp đồng do tổ chức, cá nhân đề nghị.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp.

- Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

- Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu/thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

c) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

đ) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

f) Phí, lệ phí: không quy định.

g) Tên các mẫu đơn: Hợp đồng

h) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích cung cấp một trong các giấy tờ là hộ chiếu, Chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đa dạng sinh học 20/2008/QH12.

- Nghị định số 59/2017/NĐ-CP về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

- Nghị định 22/2023/NĐ-CP.

Mẫu hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ)

HỢP ĐỒNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

(Số:.....-...../Bên cung cấp – Bên tiếp cận)

- Căn cứ Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học;
- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Căn cứ vào nhu cầu của (tên Bên cung cấp) và (tên Bên tiếp cận);

Hợp đồng này được lập ngày....tháng....năm....tại (địa điểm).....

Giữa

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên cung cấp”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

Và

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TIẾP CẬN NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên tiếp cận”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân:

+ Họ và tên; thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương....., ngày cấp....., nơi cấp.....; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;

+ Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

(Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng hợp tác để thực hiện tiếp cận nguồn gen, các tổ chức, cá nhân này phải cung cấp đầy đủ các thông tin; tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và cùng ký Hợp đồng)

HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1. Bên cung cấp và Bên tiếp cận thống nhất việc cung cấp và sử dụng nguồn gen với các thông tin cụ thể sau đây:

1. Nguồn gen: Tên thông thường, tên khác, tên khoa học.
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận: Nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, khối lượng, cá thể....
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen: Ghi rõ mục đích là 1 trong 3 trường hợp: Nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm thương mại.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Thông tin cụ thể của các bên dự kiến sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
7. Thông tin về dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có).

8. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9. Các thỏa thuận khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo về Kế hoạch tiếp cận nguồn gen)

Điều 2. Chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen

Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên cung cấp và Bên tiếp cận tiến hành thương thảo về hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Điều 3. Nghĩa vụ của Bên tiếp cận

1. Đối với việc tiếp cận nguồn gen:

- Chỉ triển khai điều tra, thu thập nguồn gen theo Kế hoạch tiếp cận nguồn gen sau khi có Giấy phép tiếp cận nguồn gen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- Tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

2. Đối với việc sử dụng nguồn gen:

- Chỉ được sử dụng nguồn gen theo mục đích tiếp cận nguồn gen đã được quy định tại Hợp đồng này;
- Đối với việc phát triển sản phẩm thương mại, phải định kỳ thông tin, báo cáo với Bên cung cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về tình hình sử dụng nguồn gen, thông tin về doanh thu từ việc sử dụng và thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen.

3. Thay đổi mục đích tiếp cận, sử dụng nguồn gen: Việc thay đổi mục đích tiếp cận nguồn gen được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

4. Về quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen:

- Bên tiếp cận đảm bảo cung cấp thông tin về nguồn gốc, xuất xứ nguồn gen của Bên cung cấp khi đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận, sử dụng nguồn gen;

- Khi tiến hành thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen được tiếp cận, Bên tiếp cận phải đảm bảo chia sẻ lợi ích theo Điều 2 của Hợp đồng này và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

5. Chuyển giao nguồn gen đã được tiếp cận cho bên thứ ba: Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

6. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích: Thực hiện chia sẻ lợi ích quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

7. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định của pháp luật về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

8. Thanh toán cho Bên cung cấp và các bên liên quan thù lao, chi phí, các khoản phí, lệ phí, thuế theo quy định.

9. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên cung cấp

1. Phối hợp với Bên tiếp cận trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi có yêu cầu.

2. Cung cấp cho Bên tiếp cận các nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

3. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Chế độ sổ sách kế toán

Bên tiếp cận có trách nhiệm duy trì và cập nhật chính xác, đầy đủ sổ sách kế toán và báo cáo liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm:

1. Các giao dịch được thực hiện.

2. Báo cáo riêng rẽ về các biên lai, hóa đơn.

3. Các sổ sách kế toán có thể được tiếp cận và kiểm tra, tất cả được lập theo tiêu chuẩn kế toán chung.

4. Các báo cáo, sổ sách ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác.

5. Bên tiếp cận phải lưu sổ sách kế toán, báo cáo liên quan đến các mẫu vật trong vòng năm kể từ ngày hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Điều khoản này vẫn duy trì ngay cả khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.

6. Các thỏa thuận khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, các bên có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:

- Thuế, phí, lệ phí.
- Thỏa thuận về bảo mật thông tin phù hợp với quy định pháp luật.
- Bảo hiểm.
- Tiếp cận hồ sơ, sổ sách.
- Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các nội dung khác có liên quan.

Hợp đồng này được lập thành ...bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang). Mỗi bên giữ ... bản, 01 bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BÊN CUNG CẤP

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

BÊN TIẾP CẬN

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa ... (Bên tiếp cận)... và.... (Bên cung cấp) ... tại ...(địa bàn nơi tiếp cận nguồn gen hoặc địa điểm đăng ký trụ sở của Bên cung cấp).

Lưu tại Ủy ban nhân dân ...(cấp xã)... 01 (một) bản chính.

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu)*

KẾ HOẠCH TIẾP CẬN NGUỒN GEN

(Phụ lục kèm theo Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích)

1. Thông tin chung về nguồn gen tiếp cận

- Tên nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).
- Mẫu nguồn gen.
- Số lượng/khối lượng nguồn gen tiếp cận; (nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, trọng lượng, cá thể...).
- Mục đích tiếp cận nguồn gen.
- Thời gian tiếp cận (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
- Địa điểm tiếp cận.

Tiếp cận ngoài tự nhiên:

- + Vị trí khu vực tiếp cận: Nêu rõ lô, khoảnh, tiểu khu đối với rừng và tọa độ địa lý đối với các hệ sinh thái khác;
- + Ranh giới: Mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm sơ đồ, bản đồ khu tiếp cận tỷ lệ nhỏ nhất là 1:10.000;
- + Diện tích khu vực tiếp cận;
- + Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận.

Tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập:

Thông tin về nguồn gen dự kiến tiếp cận được lưu giữ tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập (thời gian, địa điểm đã thu thập nguồn gen).

2. Phương án tiếp cận

- Cách thức tiếp cận và phương pháp tiến hành (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng, kỳ/đợt thu mẫu).
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).

3. Đánh giá tác động của việc tiếp cận nguồn gen đến đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội

- Dự báo các tác động có thể gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái nơi tiếp cận, kinh tế - xã hội.

- Đề xuất giải pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu các tác động nêu trên.

4. Kế hoạch sử dụng nguồn gen

- Mục đích và kết quả dự kiến của việc sử dụng nguồn gen.

- Việc sử dụng tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm cả việc xác định các đặc tính, công dụng và lợi ích của nguồn gen (nếu có, mô tả những tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen và xác định các cộng đồng và cá nhân cung cấp các tri thức truyền thống nếu có sự khác biệt so với các nhà cung cấp các nguồn gen này).

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).

- Địa điểm tiến hành nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen.

- Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):

+ Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (chi tiết số lượng/khối lượng nguồn gen và số lần đưa nguồn gen ra nước ngoài);

+ Chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba mà không làm thay đổi mục đích sử dụng.

(Kèm theo thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen, thời điểm đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài; hoạt động sử dụng dự kiến).

5. Cam kết chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

(Hình thức, cách thức và việc thực hiện chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được thống nhất trong Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp)

7. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

a) Trình tự, cách thức thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức/cá nhân (chủ dự án đầu tư, cơ sở) gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn và báo cáo đánh giá tác động môi trường tới Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã.

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

UBND cấp xã xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ tham vấn theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận.

Bước 3. Xử lý hồ sơ

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường cho đến khi kết thúc hoạt động tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân;

- UBND cấp xã tổ chức họp tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư, cá nhân theo quy định trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham vấn.

Bước 4. Phê duyệt

Ủy ban nhân dân cấp xã phản hồi bằng văn bản trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn. Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.

Bước 5. Trả kết quả

Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp đăng ký nhận kết quả trực tuyến thì thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công của UBND cấp xã (nếu có).

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- 01 bản chính văn bản lấy ý kiến tham vấn (mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- 01 bản chính nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ của hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn xử lý, trả kết quả: Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ dự án đầu tư (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC

còn 7,5 ngày làm việc). Trường hợp không có văn bản trả lời trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải tham vấn.

đ) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã. ***e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp (mẫu số 04a, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT).

- Văn bản của UBND cấp xã trả lời ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (nếu có).

f) Phí, lệ phí: không quy định.

g) Tên các mẫu đơn

- Mẫu văn bản gửi lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐCP).

- Mẫu nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Mẫu biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp (mẫu số 04a, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2022/TT-BTNM).

h) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CÁC MẪU VĂN BẢN

**Phụ lục VI. Mẫu văn bản gửi lấy ý kiến tham vấn trong quá trình
thực hiện đánh giá tác động môi trường**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị
định số 05/2025/NĐ-CP)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

V/v lấy ý kiến tham vấn
trong quá trình thực hiện
đánh giá tác động môi
trường của Dự án

Kính gửi: (3)

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, (1) đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án (2).

(1) gửi đến (3) báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của (3) về các nội dung: vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của (3) về các nội dung nêu trên xin gửi về (1) trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn đề (1) hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú: (1) Chủ dự án; (2) Tên dự án; (3) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham vấn.

**Phụ lục VIa. Mẫu nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện
đánh giá tác động môi trường**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị
định số 05/2025/NĐ-CP)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

- 1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư
- 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất
- 1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)
- 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư
- 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.
- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.
- Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

- Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.
- Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

- Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.
- Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.
- Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.5. Các nội dung khác

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có).
- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Cam kết của Chủ dự án

- Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương (nếu có).

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày...tháng...năm....

**Mẫu số 04a. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân
chịu tác động trực tiếp**

(Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án:

Thời gian họp: ngày tháng năm

Địa chỉ nơi họp:

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp.

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

1.3. Thành phần dự họp: (Cộng đồng người gồm các cá nhân thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú sinh sống tại địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự tại nơi triển khai dự án đầu tư; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực đất, mặt nước, đất có mặt nước, khu vực biển nơi triển khai dự án đầu tư).

Lưu ý:

- Số lượng đã mời tham dự cuộc họp.

- Lập bảng danh sách ghi rõ họ tên, chức vụ/nghề nghiệp, địa chỉ, chữ ký của những người dự họp.

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp (yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của cuộc họp; ghi đầy đủ, trung thực các ý kiến của cộng đồng dân cư, cá nhân, những nội dung mà chủ đầu tư cam kết tiếp thu và giải trình).

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn (Nội dung tham vấn theo quy định tại Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư, cá nhân về các nội dung tham vấn

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng, cá nhân (nêu rõ các nội dung sẽ tiếp thu, giải trình về các nội dung tham vấn; các cam kết của Chủ dự án).

3. Đại diện Chủ dự án đề xuất việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân không tham gia cuộc họp tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến

- Dự kiến thời gian gửi phiếu lấy ý kiến.
- Dự kiến thời điểm kết thúc lấy ý kiến.

Sau thời điểm kết thúc lấy ý kiến, Chủ dự án cam kết cung cấp thông tin về số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn đã gửi và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn nhận được cho Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến trong Văn bản trả lời tham vấn theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ

(Chữ ký)

Họ và tên

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

(Chữ ký)

Họ và tên

